TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04-6-2020
Về tranh chấp ly hôn,
nuôi con, .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé

Ông Sơn Sô Phonl

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 54/2019/TLST- HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2019, về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Huỳnh M, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm I, thị trấn C, huyện T, tỉnh T;

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Công S, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm I, thị trấn thị trấn C, huyện T, tỉnh T;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2019 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị Huỳnh M trình bày: Vào năm 2007, chị và anh Trịnh Công S xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 14/10/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn thị trấn C, huyện T, tỉnh T. Trong quá trình chung sống có 03 con chung tên Trịnh Hữu L, sinh ngày 12/4/2008, Trịnh Gia K, sinh 13/3/2011, Trịnh Thiên K1, sinh 16/10/2016, hiện các con đang sống với chị M.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Anh S không lo được gì cho gia đình, có đi làm nhưng không phụ giúp gì nhiều, tiền sinh sống hằng ngày do chị mượn của mẹ chị, anh S chỉ biết ăn nhậu về nhà kiếm chuyện cự cải, ghen tuông, còn hâm dọa đòi đâm, bóp cổ chị, nên mâu thuẫn nhiều hơn, tình cảm dần phai nhạt. Từ đó, chị sinh ra buồn chán và nảy sinh tình cảm với người anh họ bên chồng, nhưng hai bên vẫn chưa có gì. Vì thương con chị đều bỏ qua, nhưng đến nay chị không còn tha thứ được nữa, gia đình chồng thì khó khăn, không tôn trọng chị, nên chị không thể nào tiếp tục sống chung với nhau và chị sống ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay.

Nay, chị Nguyễn Thị Huỳnh M yêu cầu:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Trịnh Công S.

Về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng 03 người con chung tên Trịnh Hữu L, sinh ngày 12/4/2008, Trịnh Gia K, sinh 13/3/2011, Trịnh Thiên K1, sinh 16/10/2016, chị M không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Về tài sản chung: 01 căn nhà cấp 4 gắn với phần đất có diện tích 112,7m^2, thửa 252, tờ bản đồ số 18, tọa lạc khóm 1, thị trấn C, huyện T, tỉnh T là

tài sản chung vợ chồng, nhưng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 15/01/2020 và 20/5/2020, anh Trịnh Công S trình bày: Thống nhất về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, về con chung, tài sản chung như lời trình bày của chị M là đúng. Nhưng về yêu cầu xin ly hôn của vợ anh thì anh không đồng ý, mặc dù vợ có ngoại tình với người anh họ, nhưng anh đều bỏ qua và yêu cầu được đoàn tụ với chị M để cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Thống nhất giao 03 con chung cho chị M nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tài sản có như lời trình bày của vợ anh là chị M và tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Cháu Trịnh Gia K, Trịnh Hữu L có lời trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ.

Ý kiến của kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tố tụng, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị M và anh S được ly hôn

+ Về con chung: giao 03 con chung cho chị M nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu.

+ Tài sản chung: Tự Thỏa thuận.

+ Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình và bị đơn cư trú tại huyện T, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, nên tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huỳnh M và anh Trịnh Công S xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh T theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Vào năm 2009, anh chị đã kết hôn và có 03 con chung là thể hiện một gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, hạnh phúc của anh chị không bền vững là do chị M có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, từ đó anh S ghen tuông dẫn đến gia đình bất hòa, không hạnh phúc, anh S cho chị M cơ hội sửa chữa lỗi lầm, anh xin đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung, nhưng chị M không thay đổi mà còn tiếp tục có mối quan hệ với người đàn ông khác.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh Trịnh Công S và chị Nguyễn Thị Huỳnh M chung sống với nhau nhưng chị M không chung thủy, quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, cơ hội hàn gắn không còn, nghĩ nên cho anh chị ly hôn để giải phóng cho nhau là phù hợp.

[3] Về con chung: ghi nhận sự thỏa thuận của anh S và chị M là giao 03 con chung cho chị M nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng muốn sống

cùng mẹ của các cháu Trịnh Hữu L và Trịnh Gia K; anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị M không yêu cầu.

[4] Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 227, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huỳnh M

Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh Trịnh Công S.

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Huỳnh M được ly hôn với anh Trịnh Công S.

Về con chung: Giao 03 con chung tên Trịnh Hữu L, sinh ngày 12/4/2008, Trịnh Gia K, sinh 13/3/2011, Trịnh Thiên K1, sinh 16/10/2016 cho chị Nguyễn Thị Huỳnh M nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung do chị M không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huỳnh M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006544 ngày 31/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Tiểu Cần ;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Long